

Bản án số: 229/2022/DS-PT

Ngày: 23 - 8 - 2022

V/v “Đòi lại tài sản”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Yên

Các Thẩm phán: Ông Đỗ Cao Khánh

Ông Ninh Quang Thế

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thúy An là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Màu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21/7, 08/8 và ngày 23/8/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 63/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về việc “Đòi lại tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 28/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 80/2022/QĐXX-PT ngày 23 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Số 17B1 đường L, khóm 2, phường T, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê Văn M, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 1/23 đường N, phường A, Quận B, Thành phố C (Theo Văn bản ủy quyền ngày 06/7/2019). (có mặt)

- Bị đơn:

1/ Ông Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1952.

Địa chỉ: Ấp K, xã Đ, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

2/ Ông Nguyễn Hiền L, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số 17A, đường Lý Bôn, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Khóm 1, thị trấn Rạch G, huyện Ngọc H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của ông L và ông D: Ông Nguyễn Trường T, sinh năm 1961; Địa chỉ: Văn phòng Luật sư V, số 58C đường H, phường T, Quận N, Thành phố C (Theo Văn bản ủy quyền ngày 19/01/2021). (có mặt)

3/ Ông Nguyễn Tấn H, sinh năm 1961. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Nguyễn Ngọc S, sinh năm 1971; Địa chỉ: Số 331A, đường Q, khóm 4, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

2/ Bà Trần Thị Phương M, sinh năm 1966; Địa chỉ: Số 336A, đường N, khóm 4, phường 9, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1968 (chết năm 2018).

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà T:

+ Ông Nguyễn Tấn H (chồng bà T, đồng thời là bị đơn); Địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

+ Cụ Tạ Thị K (mẹ bà T), sinh năm 1931; Địa chỉ: Số 17A đường L, khóm 2, phường 4, thành phố C, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1989; (con bà T) (vắng mặt)

+ Anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1993; (con bà T) (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

4/ Ủy ban nhân dân huyện N. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Khóm 1, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

5/ Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

Địa chỉ trụ sở: Số 93, đường L, phường 5, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Người kháng cáo: Ông Nguyễn Tấn H, ông Nguyễn Hiền L, ông Nguyễn Ngọc D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Ông Lê Văn M trình bày: Năm 1999 ông Nguyễn Ngọc A nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị N (tên thường gọi Hai Thép) có diện tích 480 m² tính từ phần tiếp giáp lộ giao thông nông thôn (lộ xi măng hiện hữu) đến mé sông, tọa lạc tại ấp X (nay là Khóm 5) thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau với giá là 08 lượng vàng 24k và mua nhà máy sản xuất nước đá cũ của ông Huỳnh Văn U ở ấp K, xã K1, huyện T, tỉnh Cà Mau với giá là 100.000.000 đồng cùng một số thiết bị mới từ nhiều nơi khác đem về thuê người lắp ráp, xây dựng thành nhà máy sản xuất nước đá, lấy tên là Doanh nghiệp tư nhân V, lúc xây dựng hãng nước đá năm 1999 ông A còn bao chiếm thêm phần đất bãi bồi ven sông.

Năm 1999 ông A là Việt kiều Úc, nên không được đứng tên chuyển nhượng quyền sử dụng đất nên nhờ người anh thứ hai là Nguyễn Ngọc D đứng tên chủ

Doanh nghiệp tư nhân V, kê khai đăng ký quyền sử dụng đất (Đất hiện chưa được cấp giấy chứng QSDĐ).

Ông A trực tiếp quản lý, điều hành nhà máy được vài tháng thì trở về Úc, nên thuê vợ chồng người em gái là Nguyễn Thị T cùng chồng là Nguyễn Tấn H quản lý (bà T đã bị tai nạn chết) - Thỏa thuận là bà T, ông H được hưởng 20% lợi nhuận, còn 80% lợi nhuận giao cho cha mẹ ruột ông A là ông Nguyễn Ngọc Q (chết năm 2008), mẹ Tạ Thị Khuây hiện ngụ tại phường 4, thành phố C quản lý, thỏa thuận bằng lời nói, không lập văn bản.

Năm 2003 ông A đang ở nước Úc, thì em là Nguyễn Ngọc S, điện thoại báo cho ông biết do nhu cầu cần có đất rộng để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nên muốn sử dụng tiền lợi nhuận của nhà máy mua thêm phần đất của bà Trần Thị Lâm (do ông H trực tiếp giao dịch với bà Lâm) phần đất cặp ranh bên phải với phần đất của Hăng nước đá V (hướng từ lộ nhìn xuống sông), chiều ngang 08m dài từ lộ giao thông đến tiếp giáp sông, với giá là 9.000.000 đồng, ông A đồng ý.

Năm 2008 cha ông A mất, em ruột là Nguyễn Hiền L quản lý tiền lợi nhuận của nhà máy, đến tháng 6/2014 ông Nguyễn Ngọc D làm thủ tục tặng Hăng nước đá V cho Nguyễn Hiền L không được sự đồng ý của ông A. Sau đó Nguyễn Hiền L thành lập Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân M - Hăng nước đá V là chi nhánh giao ông Nguyễn Tấn H tiếp tục quản lý (nay đổi tên thành Công ty TNHH MTV nước đá M - Hăng nước đá V).

Năm 2013 ông A hồi hương, yêu cầu ông D, ông L, bà T, ông H trả lại nhà máy nước đá V, nhưng các ông bà này không đồng ý.

Nay ông A yêu cầu Buộc ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Hiền L, ông Nguyễn Tấn H giao trả quyền sở hữu doanh nghiệp tư nhân V và các tài sản thuộc hăng nước đá trên diện tích đất theo đo đạc thực tế là 552,8 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, tọa lạc khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau lại cho ông.

Tiền lợi nhuận của nhà máy nước đá V sau khi cha ông A mất đến nay, một phần đã được đầu tư tái sản xuất, phần còn lại do anh em trong gia đình ông A sử dụng, ông không yêu cầu ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Hiền L và ông Nguyễn Tấn H giao trả lại.

Ông Nguyễn Hiền L trình bày: Năm 1999 theo đề xuất của ông Nguyễn Ngọc A, gia đình ông chuyển nhượng phần đất khoảng 376m² của bà Nguyễn Thị Năm (bà Năm Thép) tại khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau với giá 08 lượng vàng 24k. Số vàng trên ông L nhận từ cha là ông Nguyễn Ngọc Q đem từ Cà Mau xuống N giao cho bà Võ Hồng Hận là cháu ngoại của bà Năm Thép, bà Hận là người làm giấy tay giao nhận, ông Nguyễn Ngọc D đứng tên mua.

Phần nhà máy sản xuất nước đá, ông Quang mua lại của ông Trương Văn Út (ở Đá Bạc, Cà Mau). Do không đủ tiền nên ông Quang chỉ thanh toán được một phần, phần còn lại trả góp 5.000.000 đồng/tháng đến khi hết nợ.

Do thiết bị cũ, thiết kế nâng công suất từ 600 lên 700 cây đá/ngày nên phải chạy 40 tiếng mới đông đá, cộng với vùng nước nhiễm phèn nên việc mua bán kinh doanh không hiệu quả.

Nhà máy hoạt động được vài tháng thì bị gãy cốt máy kéo, chỉ còn 1 đầu kéo và 1 máy nén lạnh. Hoạt động đến năm 2001 nhà máy xuống cấp, ông A bàn với gia đình chuyển nhượng hăng nước đá V lại cho ông L. Việc ông A nhận tiền bán nhà máy của ông L, ông Quang là người đứng ra giao tiền và ghi chép theo dõi, sau đó ông L đầu tư và làm lại.

Năm 2002, ông L lắp 1 hệ thống mới nâng cấp nhà máy lên có công suất 8.800 cây/ngày gồm: 1 máy mycom 8, 1 máy mitsubitsi 8DC9, 1 dàn lạnh, 1 dàn nóng, bầu tách lỏng, bầu tách nhớt, bầu chứa gaz, thay lại dàn khuông đa inox, hệ thống lạnh cũ để dự phòng và hoạt động tới năm 2005, giá dầu dizen lên cao, hoạt động không có hiệu quả nên kéo điện trung thế 22kw từ chân cầu Kênh Tắc về hăng, lập trạm biến thế 400KVA để vận hành máy bằng điện; sửa lại nhà xưởng, làm hệ thống trục cầu đá, mua mô tơ kéo, thay dàn nóng, dàn lạnh cũ, mở rộng thêm hầm đá. Ông Nguyễn Ngọc S đầu tư thêm dàn lọc nước RO để làm nước đóng chai. Ngoài giờ đóng chai thì ông L sử dụng dàn lọc chạy nước đá, tiền điện vận hành dàn lọc ông L chi trả.

Sau này nước đóng chai gặp khó khăn, ông S bán lại dàn lọc cho ông L. Doanh nghiệp tư nhân V do ông Nguyễn Ngọc D làm chủ doanh nghiệp đã có quyết định giải thể doanh nghiệp ngày 30/6/2014, lý do giải thể là sáp nhập vào Doanh nghiệp tư nhân M, cùng ngày 30/6/2014 doanh nghiệp tư nhân M đã đăng ký thành lập Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân M - Hăng nước đá V và được Phòng Đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh mã số 2000292758-001 ngày 30/6/2014.

Nay ông yêu cầu Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông A.

Ông Nguyễn Ngọc D trình bày: Ông A là người nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng hăng nước đá V năm 1999. Thời điểm này ông A là Việt Kiều không đăng ký kinh doanh được nên nhờ ông đăng ký chủ doanh nghiệp theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 24/12/1999, đăng ký thay đổi lần 3 số 027646 ngày 25/12/2006, quản lý khai thác hăng nước đá ông A giao cho vợ chồng người em là ông H, bà T.

Năm 2014 do nhà máy hoạt động thua lỗ nên ông làm thủ tục chuyển tên tài sản đăng ký cho ông L. Ngày 30/6/2014 doanh nghiệp tư nhân V sáp nhập vào Công ty TNHH MTV M, cùng ngày 30/6/2014 doanh nghiệp M đã đăng ký thành lập Chi nhánh Doanh nghiệp tư nhân M hăng nước đá V được phòng đăng ký kinh doanh sở kế hoạch đầu tư tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận hoạt động chi nhánh mã số 2000292758 ngày 30/6/2014. Việc ông Nguyễn Ngọc A được phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch đầu tư tỉnh Cà Mau cấp giấy chứng nhận Chủ doanh

ng nghiệp tư nhân V mã số 2000313567 ngày 01/11/2016 là giả mạo vì Doanh nghiệp tư nhân V đã sáp nhập năm 2014.

Ông Nguyễn Tấn H trình bày: Phần đất mà ông A tranh chấp là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng bằng giấy tay của bà Trần Thị Lâm theo giấy chuyển nhượng ngày 24/9/2003 có xác nhận của trưởng ban nhân dân khóm 3.

Yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của ông A.

Ông Nguyễn Ngọc S trình bày: Về nguồn gốc đất và hăng nước đá V là do ông Nguyễn Ngọc A mua, ông có đầu tư hệ thống nước lọc RO vào nhà máy với số tiền 260.000.000 đồng. Hiện nay ông không yêu cầu gì đối với số tiền ông đã đầu tư vào hăng nước đá V.

Cụ Tạ Thị Khuây trình bày: Cụ không có liên quan đến tranh chấp về quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, tài sản trên đất là của ông Nguyễn Hiền L, cụ không có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan nên từ chối tham gia quá trình tố tụng.

Bà Trần Thị Phương Mai trình bày: Hồ sơ vụ án thể hiện bà Mai nhận chuyển nhượng nhà máy nước đá V từ ông A; về phía ông A trình bày trước đây ông A có thuê bà Mai thay mặt ông A khởi kiện nhưng bà Mai làm giả giấy tờ chuyển nhượng. Ngày 17/12/2020 Tòa án có làm việc với bà Mai tại Trại giam Cái Tàu, bà Mai đề nghị xét xử vắng mặt. Đến ngày 29/12/2020 bà Mai gửi đơn qua đường bưu điện đề nghị Tòa án triệu tập bà khi xét xử.

Ủy ban nhân dân huyện N (UBND) có ý kiến: UBND huyện N xin vắng mặt xét xử.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau có ý kiến: Tất cả những giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Phòng đăng ký kinh doanh cấp đều hợp lệ, đúng trình tự quy định. Phòng đăng ký kinh doanh chỉ cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh không xác nhận quyền sở hữu đối với tài sản.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 28/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau đã quyết định:

Đình chỉ xét xử một phần đối với yêu cầu của ông Nguyễn Ngọc A về việc đòi quyền sở hữu doanh nghiệp gồm: 135,1m² đất (thửa số 2 theo mảnh trích đo) và tài sản khác của doanh nghiệp tư nhân V có trên diện tích đất 135,1m², nhà ở phụ và kho xây cất trên đất.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A, về việc kiện đòi quyền sở hữu doanh nghiệp tư nhân V và các tài sản thuộc hăng nước đá V. Buộc ông Nguyễn Hiền L, ông Nguyễn Ngọc D và ông Nguyễn Tấn H giao trả quyền sở hữu doanh nghiệp tư nhân V và các quyền khác đối với tài sản Doanh nghiệp tư nhân V cho ông Nguyễn Ngọc A gồm: Diện tích đất theo đo đạc thực tế là 552,8 m² (thửa số 1,3 theo mảnh trích đo hiện trạng) và thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23 theo mục kê năm 2012, tọa lạc khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Vị trí tứ cận: Mặt tiền giáp lộ xi măng, hậu giáp rạch Không Quân, vách trái (nhìn từ lộ

xi măng) giáp thửa đất Trần Bé Chính, Phùng Nữ Thiên Chúc, vách phải (nhìn từ lộ xi măng) giáp thửa đất Huỳnh Thị Cần, Nguyễn Thanh Tùng, Huỳnh Văn Phàm, Võ Hồng Hải.

Tài sản khác của doanh nghiệp gồm: Nhà xưởng sản xuất nước đá cây; hồ nhúng; hầm nước đá; mái che bồn lạnh, bồn ngưng; phòng chứa máy nén; hồ chứa nước; trạm biến áp; giàn lạnh lớn; giàn lạnh nhỏ; giàn nóng; bồn tách lỏng; bồn tách nhớt; máy nén; động cơ kéo máy nén; bơm giải nhiệt; bơm nước trong khuôn; giàn cầu đá; giếng khoan; khuôn làm đá; bơm thổi, mô tơ; tủ điều khiển hệ thống điện, nhà ở chính xây cất trên diện tích đất 552,8m².

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, nghĩa vụ do chậm thi hành án, quyền và nghĩa vụ của các bên đương sự trong giai đoạn thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 23/02/2022 ông Nguyễn Tấn H kháng cáo; ngày 25/02/2022 ông Nguyễn Trường T (là người đại diện hợp pháp của ông Nguyễn Hiền L, Nguyễn Ngọc D) kháng cáo. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết hủy một phần bản án sơ thẩm để xét xử lại theo thủ tục chung; hủy Quyết định số 18/2022/QĐ-SCBSBA ngày 28/01/2022 về việc đình chính bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Ông H vắng mặt không lý do; người đại diện theo ủy quyền của ông L và ông D thay đổi nội dung kháng cáo, yêu cầu không chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ kháng cáo, ông Thành xác định:

- Đất và tài sản trên đất là nhà máy nước đá V thực tế ông A đã chuyển nhượng cho ông L xong từ trước năm 2008. Doanh nghiệp sau đó sáp nhập vào doanh nghiệp M của ông L, do nguyên đơn yêu cầu đòi Doanh nghiệp tư nhân V nên đối tượng khởi kiện không còn.

- Nhà máy sản xuất nước đá được lắp đặt năm 1999 thực tế không còn do các thiết bị cấu thành đã hết giá trị sử dụng.

- Đất sản xuất nơi đặt nhà máy là tài sản do ông D đăng ký đã giao lại cho ông L, không có căn cứ pháp lý để ông L chấp nhận yêu cầu đòi quyền sử dụng phần đất này của ông A.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Không đồng ý kháng cáo của các bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Tài sản quyền sử dụng đất, nhà máy nước đá V thực tế là nguồn tiền do ông A đầu tư. Quá trình quản lý, khai thác có lợi nhuận đã tích lũy và tái đầu tư, thay mới thiết bị, nâng cấp nhà máy đến ngày nay. Nên phải công nhận tài sản hiện hữu là của ông A. Yêu cầu buộc các bị đơn hoàn trả tài sản quyền sử dụng đất và nhà máy lại cho ông A.

Kiểm sát viên trình bày quan điểm giải quyết vụ án: Án sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng như sau:

- Không làm rõ phần điện mặt trời áp mái ông L đầu tư năm 2020 để đưa vào xử lý tại vụ án.

- Không định giá dàn nóng, lạnh ông L đầu tư sau sự cố rò rỉ khí gas năm 2020 (sau ngày thẩm định của Tòa án).

- Cấp sơ thẩm không đưa Công ty TNHH MTV M vào tham gia tố tụng là không đảm bảo quyền lợi của Công ty TNHH MTV M do tài sản tranh chấp là một phần tài sản của Công ty TNHH MTV M.

Đề nghị: Áp dụng Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy toàn bộ án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án nhân dân huyện N thụ lý, giải quyết lại theo thủ tục chung.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Kháng cáo của ông H, ông L và ông D thực hiện trong hạn luật định, hợp pháp được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do nên đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp, thủ tục tố tụng được tiến hành tại cấp sơ thẩm:

[2.1] Quan hệ tranh chấp: Ông A khởi kiện yêu cầu ông L, ông D, ông H giao trả quyền sở hữu doanh nghiệp tư nhân V gồm các tài sản máy móc, thiết bị cấu thành nhà máy nước đá V, quyền sử dụng đất theo đo đạc thực tế là 552,8 m² (thửa 1 và 3 theo mảnh trích đo) thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, chỉnh lý kê khai năm 2012, tọa lạc khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Trước đó, tại phiên tòa sơ thẩm ông A rút một phần khởi kiện đối với yêu cầu đòi quyền sử dụng 135,1m² (thửa 2 – Bản trích đo thực tế) đất, tài sản nhà ở phụ, nhà kho có trên diện tích 135,1m² (thửa 2) và quyền sở hữu doanh nghiệp. Cấp sơ thẩm đình chỉ đối với yêu cầu rút khởi kiện đòi tài sản trên của nguyên đơn là đúng theo qui định chung.

Hoạt động tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm thể hiện, đại diện của ông A yêu cầu ông D, ông L, ông H hoàn trả quyền sử dụng đất và cấu trúc cấu thành nhà máy sản xuất nước đá có trên đất. Với nội dung trên, xác định quan hệ tranh chấp tại vụ án là đòi lại tài sản là đúng với bản chất của vụ việc.

[2.2] Vị trí nhà máy nước đá V thuộc một phần thửa số 11 được thể hiện tại mảnh trích đo hiện trạng (bổ sung) ngày 22/3/2020. Diện tích đất thực tế bằng 552,8m² (thửa 1 và thửa 3 – Bản trích đo thực tế), theo mục kê năm 2012 thuộc thửa số 11, tờ bản đồ số 23, tọa lạc khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau. Đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do đang có tranh chấp.

Cấu thành nhà máy nước đá có trên một phần thửa số 11 được thể hiện tại biên bản thẩm định tại chỗ ngày 10/10/2019, mảnh trích đo hiện trạng (bổ sung) ngày 22/3/2020. Các đương sự thống nhất tài sản định giá ngoài đất ra còn có các tài sản khác gồm: Nhà xưởng sản xuất nước đá cây; hồ nhúng; hầm nước đá; mái che bồn lạnh, bầu ngưng; phòng chứa máy nén; trạm biến áp; giàn lạnh lớn; giàn lạnh nhỏ; giàn nóng; bầu tách lỏng; bầu tách nhớt; bầu ngưng; máy nén; động cơ kéo máy nén; bơm giải nhiệt; bơm nước trong khuôn; giàn cầu đá; giếng khoan; khuôn làm đá; bơm thổi, mô tơ; tủ điều khiển hệ thống điện, nhà chính.

Tại chứng thư định giá tháng 12/2021 đối với tài sản tranh chấp là quyền sử dụng đất, công trình xây dựng và máy móc thiết bị xưởng sản xuất nước đá trên đất, trong đó giá trị quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1, 3 bằng 1.296.503.000 đồng, thiết bị cấu thành nhà máy nước đá bằng 1.295.866.000 đồng, tổng giá trị tranh chấp bằng 2.592.369.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thống nhất với giá trị tài sản theo chứng thư thẩm định giá loại tài sản thống kê tại biên bản thẩm định ngày 22/3/2020 của Tòa án nhân huyện N.

Tuy nhiên, sau khi thẩm định ngày 22/3/2020 thì cùng trong tháng 03/2020 xảy ra sự cố kỹ thuật do hệ thống gas của dàn nóng, lạnh của nhà máy bị nổ nên ông L đã thay mới toàn bộ hệ thống này. Ngày 03/8/2022 Tòa án tỉnh Cà Mau thẩm định tại chỗ, bị đơn và đại diện của nguyên đơn xác định việc ông L thay mới hệ thống dàn nóng, lạnh của nhà máy là có thật, đến tháng 01/2022 cấp sơ thẩm xử lý vụ án này nhưng không cập nhật, xử lý tình tiết phát sinh này dẫn đến không xem xét chi phí đầu tư của dàn nóng, lạnh tại nhà máy của ông L.

[2.3] Tương tự, cấp sơ thẩm không cập nhật hệ thống tấm pin điện mặt trời phủ toàn bộ vật kiến trúc có mái che thuộc nhà, xưởng của nhà máy do ông L đã lắp đặt, thời điểm lắp đặt theo hoá đơn mua hàng và giấy phép đăng ký được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép được xác định tháng 12/2020.

Việc không cập nhật tài sản phát sinh trên của cấp sơ thẩm để xử lý chung tại vụ án như đã nêu trên là sai, đúng như Viện kiểm sát xác định.

[3] Về nguồn tiền đầu tư ban đầu gồm chuyển nhượng đất, mua lại nhà máy nước đá của người khác để lắp đặt lại thành nhà máy nước đá V:

[3.1] Ông D trình bày năm 1999 ông A xây dựng hăng nước đá và đăng ký tên Doanh nghiệp tư nhân V. Do rào cản pháp lý nên ông D đứng tên chủ Doanh nghiệp cho ông A.

Năm 2014 ông D cho rằng ông A đã chuyển nhượng cho ông L nên ông chuyển thủ tục đăng ký chủ sở hữu doanh nghiệp trên cho ông L.

Với chứng cứ trên, xác định tài sản có nguồn gốc của ông A. Ngoài ra nó thể hiện sự thật khác, đó là: Năm 1999 ông A là Việt kiều mang quốc tịch Úc nên sau khi đầu tư, vận hành nhà máy năm 1999 ông A khai có quản lý nhà máy được vài

tháng rồi giao lại cho ông H, bà T và sau này ông L quản lý, vận hành, ông A không quản lý, khai thác cho đến nay.

Như vậy, ông A có công bỏ vốn ban đầu đầu tư quyền sử dụng đất, tạo lập nhà máy, ông H, bà T, ông L, ông D có công trong trực tiếp hoặc gián tiếp quản lý, vận hành, khai thác, bảo dưỡng, thay thế phụ tùng, nâng cấp nhà máy là có thật.

[3.2] Mặc dù xác định nguồn tiền ban đầu là của ông A nhưng án sơ thẩm căn cứ vào chứng cứ trên, buộc ông L, ông D và ông H giao trả quyền sở hữu tài sản và các quyền khác đối với tài sản Doanh nghiệp tư nhân V cho ông A là không phù hợp, bởi:

- Năm 1999 mặc dù Nhà nước chưa có chính sách cho Việt Kiều đứng tên đăng ký quyền sử dụng đất nhưng đã có chính sách, pháp luật khuyến khích Việt kiều, người nước ngoài đầu tư kinh doanh theo mô hình kinh tế phù hợp. Ông A đầu tư theo cách nêu trên là không phù hợp, vi phạm qui định của pháp luật. Nên mặc dù thừa nhận tài sản có nguồn gốc đầu tư từ ông A nhưng không có căn cứ pháp luật để công nhận quyền sử dụng đất cho ông A từ giao dịch trên.

Đối với cấu trúc nhà máy nước đá V: Theo chứng thư định giá xác định các bộ phận cốt lõi tạo nên nhà máy đã được thay thế toàn bộ, cấu trúc thành phần của nhà máy cũ lắp ráp năm 1999 không còn. Các khoản đầu tư mới này ông L xác định là nguồn vốn riêng ông đầu tư; ông A xác định nguồn tiền lợi nhuận từ hoạt động của nhà máy được sử dụng tái đầu tư nâng cấp nhà máy. Khai nhận của hai bên mâu thuẫn nhưng gián tiếp thừa nhận cấu trúc cấu thành nhà máy bị thay thế mới là có thật.

Tới thời điểm này không có chứng cứ xác định ông A dùng tiền lợi nhuận tái đầu tư thay mới thiết bị nhà máy nên xác định các thiết bị thành phần của nhà máy được thay mới là nguồn tiền do ông L đầu tư là có cơ sở.

[3.3] Về khoản tiền tương ứng 800.000.000 đồng. Ông L cho rằng đây là nguồn tiền thanh toán việc chuyển nhượng tài sản quyền sử dụng đất và tài sản trên đất là nhà máy nước đá V. Ông A khai có nhận khoản tiền trên nhưng cho rằng nguồn tiền này là lợi nhuận từ nhà máy do ông Quang chuyển.

Việc thanh toán mua bán hay tiền lợi nhuận do hai bên trình bày đều không có chứng cứ chứng minh nhưng ông A nhận 800.000.000 đồng của ông L thống qua ông Quang giao là có thật.

Như đã phân tích trên, ông A không có đủ điều kiện đòi quyền sử dụng đất, các thiết bị cấu thành nhà máy nước đá ban đầu không còn do hết giá trị sử dụng, đã được ông L thay mới toàn bộ. Nhưng có được tài sản là có đóng góp ban đầu của ông A. Nên khi xử lý việc tranh chấp này về nguyên tắc cần phải xem xét vốn ban đầu của ông A bỏ ra gồm tiền, vàng để chuyển nhượng đất, mua thiết bị, thuê mướn lắp ráp nhà máy. Xem xét hiệu quả kinh doanh, công sức quá trình dài của người quản lý, bảo quản, khai thác, vận hành, tôn tạo; chi phí, đầu tư nâng cấp,

thay mới thiết bị nhà máy. Sau khi đối trừ giá trị đầu tư ban đầu ra, phần còn lại là lợi nhuận chung để chia cho ông A và một phần tương ứng với công sức của từng người mới đứng và đảm bảo quyền lợi của các đương sự.

Theo chứng thư thẩm định giá, xác định tài sản thực tế của nhà máy nước đá năm 1999 hiện hữu tồn tại quyền sử dụng đất thuộc thửa số 1, 3 giá trị bằng 1.296.503.000 đồng; phần nhà máy đã hết giá trị sử dụng. Nếu tính công sức của người quản lý, bảo quản, khai thác, vận hành từ năm 1999 đến năm 2008 để đối trừ rồi mới tiến hành phân chia cho những người có công bảo quản nhà máy thì phần ông A đã nhận 800.000.000 đồng lớn hơn giá trị ông A được nhận.

Ông L không yêu cầu đối trừ chi tiết chi phí để xác định khoản chênh lệch nên xem như khoản tiền 800.000.000 đồng là khoản giá trị ông A nhận lại chi phí đầu tư ban đầu và lợi ích đầu tư phát sinh đối với quyền sử dụng đất là phù hợp.

Từ nhận định trên, nên sửa án sơ thẩm, không có căn cứ chấp nhận khởi kiện của ông A.

[4] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau xác định án sơ thẩm sai sót là có căn cứ, tuy nhiên nhận định của Hội đồng xét xử như đã nêu trên nên hủy án không làm thay đổi bản chất vụ việc.

[5] Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là không có căn cứ nên không được chấp nhận như đã nhận định nêu trên.

[6] Án phí, chi phí tố tụng:

Án phí dân sự sơ thẩm, chi phí thẩm định, định giá: ông A phải chịu theo qui định chung.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông H phải chịu, do ông H là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn án phí nên thuộc trường hợp được miễn án phí. Những người kháng cáo còn lại ông D và ông L không phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 2, 5 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Tấn H.

Chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hiền L, ông Nguyễn Ngọc D. Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 09/2022/DS-ST ngày 28/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Không chấp nhận khởi kiện của ông Nguyễn Ngọc A về việc yêu cầu ông Nguyễn Ngọc D, ông Nguyễn Hiền L, ông Nguyễn Tấn H giao trả quyền sở hữu doanh nghiệp tư nhân V và các tài sản thuộc hăng nước đá trên diện tích đất theo

đo đạc thực tế là 552,8 m² thuộc thửa đất số 11, tờ bản đồ số 23, tọa lạc khóm 5, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau lại cho ông.

2. Án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm:

Ông Nguyễn Ngọc A phải chịu 83.435.000 đồng. Ông H, ông D, ông L không phải chịu án phí sơ thẩm. Ông A đã nộp tạm ứng án phí số tiền 27.000.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015291 ngày 28/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N được đối trừ, ông A phải nộp tiếp 56.435.000 đồng.

Ông L đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng tại biên lai thu tiền số 0015517 ngày 29/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện N được nhận lại.

2.2. Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Tấn H được miễn nộp.

Ông Nguyễn Ngọc D và ông Nguyễn Hiền L không phải chịu án phí phúc thẩm. Ông Nguyễn Hiền L đã dự nộp số tiền 300.000 đồng tại biên lai số 0015454 ngày 01/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N được nhận lại. Ông Nguyễn Ngọc D được miễn nộp theo quy định nên không đặt ra việc hoàn lại.

3. Chi phí tố tụng:

Chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tại bản án sơ thẩm 23/2018/DS-ST ngày 05/11/2018 và chi phí đo đạc thẩm định tại chỗ theo hóa đơn ngày 17/10/2019 bằng 9.119.000 đồng ông Nguyễn Ngọc A phải chịu, ông A đã dự nộp và đối chiếu thanh toán xong.

Chi phí định giá tài sản: 44.800.000 đồng ông Nguyễn Ngọc A phải chịu. Ông Nguyễn Hiền L đã nộp đủ nên ông A phải thanh toán lại khoản tiền trên lại cho ông L khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

- Tòa án nhân dân huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Văn Yên

